

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – THANH HÓA
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/HSST

Ngày: 08- 08 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – THANH HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Hoàn
- Bà Lê Thị Tâm

- **Thư ký phiên toà:** Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà:** Bà Lê Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 08 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 33/2025/HSST, ngày 06 tháng 06 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HS, ngày 25/07/2025 đối với các bị cáo:

1. Bùi Văn K; sinh ngày: 16/8/1994; tại: Xã T, huyện T (N là xã K), tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn Đ, xã K, tỉnh Thanh Hóa; Số căn cước công dân: 038094007741; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá 10/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không ; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn C; con bà: Trương Thị T; Tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 23/10/2024 đến ngày 01/11/2024, sau đó bị tạm giam từ ngày 01/11/2024 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Bùi Văn T1; sinh ngày: 28/03/2000; tại: Xã T, huyện T (N là xã K), tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn V, xã K, tỉnh Thanh Hóa; Số căn cước công dân: 038200028984; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá 08/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không ; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Tuấn P; con bà: Bùi Thị B; Tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 23/10/2024 đến ngày 01/11/2024, sau đó bị tạm giam từ ngày 01/11/2024 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:
- + Anh Bùi Văn G, sinh năm: 1994; Địa chỉ: Thôn T, xã V, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.
- + Anh Đinh Thế Q, sinh năm: 1992; Địa chỉ: Thôn N, xã T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thực hiện công tác kiểm tra tình trạng nghiện của các đối tượng trên địa bàn xã T, ngày 23/10/2024, Công an xã T phối hợp với Tổ công tác của Công an huyện T tiến hành test nhanh tìm ma túy trong nước tiểu đối với các đối tượng nghi vấn. Kết quả, phát hiện trong mẫu nước tiểu thu giữ của Bùi Văn G, sinh năm 1994, trú tại thôn T, xã T, huyện T, Thanh Hóa dương tính với ma túy. Quá trình làm việc, Bùi Văn G khai báo bản thân có sử dụng ma túy tại nhà vào ngày 22/10/2024. Nguồn gốc ma túy G sử dụng là do G mua được của Bùi Văn K, sinh năm 1994, trú tại thôn Đ, xã T, huyện T, Thanh Hóa với giá 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Nhận thấy hành vi Mua bán trái phép chất ma túy của mình bị phát hiện, không thể tiếp tục trốn tránh Ngày 23/10/2024, Bùi Văn K và Bùi Văn T1, sinh năm 2000, trú tại thôn V, xã T, huyện T, Thanh Hóa đã đến Công an huyện T để đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân. Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Bùi Văn K và Bùi Văn T1. Kết quả thu giữ tại nhà Bùi Văn K 04 (bốn) túi nilon bên trong chứa chất bột màu trắng, nghi là ma túy, 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Tại cơ quan điều tra, Bùi Văn K và Bùi Văn T1 khai nhận: Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 22/10/2024, Bùi Văn K và Bùi Văn T1 rủ nhau đến khu vực huyện K, tỉnh Ninh Bình tìm mua ma túy nhằm mục đích sử dụng cho bản thân và bán cho các con nghiện khác để kiếm lời. Trước khi đi, T1 đã gọi điện cho người bán ma túy (không quen biết, không rõ nhân thân, lai lịch) để hỏi mua ma túy thì người này đồng ý. Sau đó, T1 đã điều khiển xe mô tô chở K đi đến khu vực huyện K, tỉnh Ninh Bình. Khi đến khu vực này, T1 đưa điện thoại của mình cho K gọi điện cho người bán ma túy, đồng thời đưa cho K số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) để K trả tiền mua ma túy. Sau khi K liên hệ thì người bán ma túy đã đến gặp và đưa cho K 01 (một) gói ma túy, K nhận ma túy và đưa lại cho người này 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng). Sau khi mua được ma túy K và T1 quay về nhà ở của T1 ở thôn V, xã T, huyện T. Tại đây, T1 đã chia số ma túy trên thành 05 gói nhỏ, mục đích để đưa cho K đem về và bán cho những người nghiện khác để kiếm lời. Số ma túy còn lại T1 chia cho T1 và K mỗi người một ít để sử dụng cho bản thân. Sau đó, K cầm số ma túy T1 đưa đi về nhà ở của mình ở thôn Đ, xã T và sử dụng một mình hết số ma túy được T1 chia cho.

Đến khoảng 11 giờ 45 phút, ngày 22/10/2024, Bùi Văn G đến tìm gặp K hỏi mua ma túy để sử dụng, K đồng ý bán cho G 01 (một) gói ma túy với giá 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Đến khoảng 12 giờ 30 phút ngày 22/10/2024, Đinh Thế Q, sinh năm 1992, trú tại thôn N, xã T, huyện T đến gặp K để hỏi mua ma túy, K đồng ý bán cho Q 01 (một) gói ma túy với giá 200.000đ (hai trăm nghìn đồng). Ngoài ra, trong ngày 22/10/2024, K còn bán ma túy cho một người đàn ông ở xã T, huyện T, Thanh Hóa (K không biết rõ tên, tuổi, nhân thân, lai lịch của người này) 01 (một) gói ma túy với giá 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Còn lại 02 (hai) gói ma túy T1 đưa để bán K đã sử dụng hết vào chiều ngày 22/10/2024.

Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, T1 gọi điện cho K, K thông báo cho T1 biết đã bán hết số ma túy lúc sáng. Do tiếp tục muốn có ma túy để sử dụng và bán kiếm lời, T1 tiếp tục rủ K đi mua ma túy, K đồng ý và điều khiển xe máy đến nhà T1, đưa cho T1 800.000đ (T2 trăm nghìn đồng) là tiền bán ma túy lúc sáng. Sau đó, T1 tiếp tục chở K đi đến huyện K, tỉnh Ninh Bình. Đến nơi, T1 đưa cho K 1.000.000đ (một triệu đồng) và đưa điện thoại để Khoa liên hệ với người bán ma túy lúc sáng và mua được 01 (một) gói ma túy với giá 1.000.000đ (một triệu đồng). Sau khi mua được ma túy, T1 và K quay về nhà T1, T1 tiếp tục chia số ma túy trên làm 05 (năm) gói nhỏ và giao cho K quản lý để bán cho các con nghiện khác kiếm lời. Khoa mang số ma túy đó về nhà, đến khoảng 22 giờ thì có một người đàn ông K không quen biết nói là ở huyện C đến gặp K hỏi mua 01 (một) gói ma túy với giá 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), K đồng ý bán cho người này. Sau khi bán ma túy cho người này, K để số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) và 04 (bốn) gói ma túy còn lại trên đầu giường và đi ngủ. Đến ngày 23/10/2024, Cơ quan Công an đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Bùi Văn K và thu giữ số tiền và số ma túy trên.

Tại bản Kết luận giám định số 4129/KL-KTHS ngày 31/10/2024 của phòng K1 Công an tỉnh T kết luận: Chất bột màu trắng của phong bì niêm phong (thu giữ trong quá trình khám xét khẩn cấp của Bùi Văn K) gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0.116g (không phải một một sáu gam) loại Heroine.

Tại bản Kết luận giám định số 263/KL-KTHS ngày 03/01/2025 của phòng K1 Công an tỉnh T kết luận: Điện thoại Iphone 7: Tìm thấy 168 (một trăm sáu tám) tin nhắn Messenger, thể hiện trong phụ lục; Không trích xuất được dữ liệu tin nhắn facebook do không đủ năng lực điều kiện cần thiết cho việc thực hiện giám định. Điện thoại di động Vivo Y17s: Tìm thấy 01 (một) tin nhắn Messenger, 37 (ba bảy) tin nhắn Zalo, 791 (bảy chín một) tin nhắn Facebook, thể hiện trong phụ lục; Điện thoại di động Iphone 6s: Tìm thấy 46 (bốn sáu) tin nhắn Messenger, 695 (sáu chín năm) tin nhắn Facebook, thể hiện trong phụ lục. Không trích xuất được dữ liệu tin nhắn Zalo. Do không đủ năng lực điều kiện cần thiết cho việc thực hiện giám định. Không khôi phục được dữ liệu lịch sử truy cập internet và ảnh trong các điện thoại di động gửi giám định.

Về nguồn gốc số ma túy: K, T1 khai mua của một người đàn ông lạ mặt, không quen biết, không rõ danh tính, nhân thân, đặc điểm của người này mà chỉ

lưu số điện thoại trong máy điện thoại của T1 với tên lưu là “Y”. Kết quả tra cứu số điện thoại xác định, số điện thoại trên là của Trần Văn L, sinh năm 1980, trú tại thôn E, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Cơ quan điều tra đã làm việc với Trần Văn L, L khai không quen biết với Bùi Văn K và Bùi Văn T1. Số điện thoại mà K, T1 đã liên lạc vào ngày 22/10/2024 trước đây L đã đăng ký và sử dụng một thời gian. Tuy nhiên, vào khoảng tháng 8/2024 trong một lần đi chơi L đã làm mất điện thoại có gắn thẻ sim này, từ đó đến nay L cũng không làm lại thẻ sim và hiện nay không biết ai là người sử dụng. Ngày 22/10/2024 L không xuất hiện tại nơi T1, K mua ma túy. Bùi Văn K và Bùi Văn T1 cũng không nhận dạng được người đã bán ma túy cho mình do quá trình bán ma túy người này che kín mặt, mặc áo chống nắng. Do đó, không có căn cứ khẳng định Trần Văn L đã bán ma túy cho Bùi Văn K và Bùi Văn T1.

Kết quả xác minh về tài sản, thu nhập, xác định hiện tại bị cáo Bùi Văn K và Bùi Văn T1 không có công việc thu nhập ổn định, không có tài sản gì có giá trị.

Về vật chứng vụ án: Đối với 01 (một) phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng K1 Công an tỉnh T phát hành, được dán kín, niêm phong hoàn mẫu giám định, có chữ ký, ghi rõ họ tên của Nguyễn Trần Đ, Phạm Thanh H và có các hình dấu của Phòng K1, Công an tỉnh T. 01 (một) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) được niêm phong trong phong bì thư màu trắng; 01 (một) túi niêm phong của Phòng K1 - Công an tỉnh T có ghi KLGD-KTHS ngày 03/01/2025 bên trong chứa 01 điện thoại của Bùi Văn K và 02 điện thoại của Bùi Văn T1, đã được chuyển đến kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành bảo quản, chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 34/CT-VKSTT, ngày 05/06/2025, Viện kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện T (Nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố các bị cáo Bùi Văn K và Bùi Văn T1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên toà, đại diện VKSND giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt Bùi Văn K từ 7 năm 06 tháng tù đến 08 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt Bùi Văn T1 từ 08 năm tù đến 08 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ.

Kết quả xác minh về tài sản thu nhập, xác định hiện tại các bị cáo không có tài sản và thu nhập nên đại diện Viện kiểm sát đề nghị không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS);

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định;
- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y17, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S và 200.000 đồng thu giữ của bị cáo Bùi Văn K
- Truy thu của bị cáo Bùi Văn T1 số tiền 500.000 đồng là số tiền bị cáo T1 thu được do hành vi phạm tội.
- Trả lại cho bị cáo Bùi Văn T1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Phản tranh tụng tại phiên tòa: Các bị cáo thành khẩn nhận tội, không có ý kiến tranh luận với kiểm sát viên;

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo có cơ hội cải tạo trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thanh Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội: Xuất phát từ động cơ vụ lợi và nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân nên Bùi Văn T1 và Bùi Văn K đã rủ nhau tìm mua ma túy, loại Heroine của một người đàn ông lạ mặt với giá 1.500.000đ và 1.000.000đ về trích lại một phần để sử dụng cho bản thân, sau đó T1 giao số ma túy mua được đã chia nhỏ thành từng gói cho K để bán lại các con nghiện khác để kiếm lời. Trong ngày 22/10/2024, Bùi Văn K đã bán trái phép cho Bùi Văn G 01 (một) gói ma túy với giá 300.000 đồng, bán trái phép 01 (một) gói ma túy cho Đinh Văn Q1 với giá 200.000 đồng và bán trái phép ma túy cho 02 người không xác định được danh tính, địa chỉ. Do đó hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 BLHS.

[3]. Về vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này, không có sự phân công, bàn bạc nhau từ trước giữa Bùi Văn K và Bùi Văn T1 nên vụ án thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị can T1 là người khởi xướng rủ K đi mua ma túy, dùng tiền để mua ma túy và chia nhỏ số ma túy đưa cho K đem về bán nên T1 có vai trò thứ nhất. Bị can K là người đi cùng T1 để mua ma túy, trực tiếp gọi điện trao đổi, là người trực tiếp bán ma túy sau đó đưa lại tiền cho T1 nên K là người có vai trò thứ hai trong vụ án.

[4]. Về tính chất của vụ án: Đây là vụ án mua bán trái phép chất ma túy có tính chất rất nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, mà còn là nguyên nhân, điều kiện dẫn đến các vi phạm và tội phạm khác trong xã hội, làm mất trật tự, trị an xã hội, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do đó cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian và xử lý bị cáo hình phạt nghiêm khắc mới đủ cải tạo bị cáo thành người công dân tốt có ích cho xã hội.

[5]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” và “đầu thú” quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần được xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6]. Về nguồn gốc số ma túy: K, T1 khai mua của một người đàn ông lạ mặt, không quen biết, không rõ danh tính, nhân thân, đặc điểm của người này mà chỉ lưu số điện thoại trong máy điện thoại của T1 với tên lưu là “Y”. Kết quả tra cứu số điện thoại xác định, số điện thoại trên là của Trần Văn L, sinh năm 1980, trú tại thôn E, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Cơ quan điều tra đã làm việc với Trần Văn L, L khai không quen biết với Bùi Văn K và Bùi Văn T1. Số điện thoại mà K, T1 đã liên lạc vào ngày 22/10/2024 trước đây L đã đăng ký và sử dụng một thời gian. Tuy nhiên, vào khoảng tháng 8/2024 trong một lần đi chơi L đã làm mất điện thoại có gắn thẻ sim này, từ đó đến nay L cũng không làm lại thẻ sim và hiện nay không biết ai là người sử dụng. Ngày 22/10/2024 L không xuất hiện tại nơi T1, K mua ma túy. Bùi Văn K và Bùi Văn T1 cũng không nhận dạng được người đã bán ma túy cho mình do quá trình bán ma túy người này che kín mặt, mặc áo chống nắng. Do đó, không có căn cứ xác định Trần Văn L đã bán ma túy cho Bùi Văn K và Bùi Văn T1.

[7]. Đối với Bùi Văn G và Đinh Thế Q là người đã mua ma túy của Bùi Văn K về để sử dụng cho bản thân, sau khi mua ma túy thì G, Q đã sử dụng hết. Như vậy, Bùi Văn G và Đinh Thế Q đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, vi phạm khoản 1 Điều 23 Nghị định 144/2021/NĐ-CP. Vì vậy, Cơ quan CSĐT

Công an tỉnh T đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Bùi Văn G và Đinh Thế Q là đúng quy định của pháp luật.

[8]. Về hình phạt bổ sung: Kết quả xác minh về tài sản, thu nhập, xác định hiện tại các bị cáo không có tài sản chung hoặc riêng và không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

[9]. Về xử lý vật chứng:

[9.1]. Đối với vật chứng là toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định đây là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

[9.2]. Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y17s thu giữ của bị cáo Bùi Văn K và 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s, A1700 thu giữ của Bùi Văn T1 các bị cáo đã sử dụng điện thoại để liên lạc với nhau thực hiện hành vi phạm tội do đó cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[9.3]. Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 7, màu xám thu giữ của bị cáo Bùi Văn T1, đây là tài sản hợp pháp của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

[9.4]. Đối với số tiền 200.000 đồng thu giữ khi khám xét tại nhà bị cáo K đây là số tiền bị cáo K bán ma túy thu được do đó cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước

[9.5]. Đối với số tiền 500.000 đồng bị cáo K bán ma túy cho Bùi Văn G và Đinh Thế Q sau đó K đã đưa lại cho T1. Đây là số tiền có được do phạm tội nên cần phải truy thu của bị cáo Bùi Văn T1 số tiền 500.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

[10]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Các bị cáo Bùi Văn T1 và Bùi Văn K phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Văn T1 08 (Tám) năm 06 (S) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ ngày 23/10/2024.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Văn K 08 (T2) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ ngày 23/10/2024.

Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tổ tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ bao gói mở niêm phong và 0,102 g chất bột màu trắng của phong bì ký hiệu M1. Tất cả được đựng trong một phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng K1 Công an tỉnh T phát hành, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên của Phạm Thanh H, Nguyễn Trần Đ và các hình dấu của Phòng K1 Công an tỉnh T;

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước:

+ Số tiền 200.000 đồng thu giữ tại nhà của bị cáo Bùi Văn K;

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y17s, V2310, màu tím, Số IMEI 1: 861394064716520, số IMEI 2 : 861394064716538

+ 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, A1700, màu hồng, Số IMEI: 35334707213211

- Trả lại cho bị cáo Bùi Văn T1 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, màu xám, A1779, IMEI: 355850083486158

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/06/2025 giữa cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh T và Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thành và Biên lai thu tiền số 0001784 ngày 16/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thành.

Truy thu của bị cáo Bùi Văn T1 số tiền 500.000 đ (Năm trăm nghìn đồng) để nộp ngân sách nhà nước

Về án phí: Áp dụng Điều 136 bộ luật Tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- VKSND Khu vực 7 – Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT công an tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan THAHS công an tỉnh Thanh Hóa;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Văn Hải

